

Số: /KH-UBND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển ngành muối trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối; Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển ngành muối giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 766/QĐ-BNN-KTHT ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển ngành muối giai đoạn 2021 - 2030, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Kế hoạch phát triển ngành muối trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030, với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Ban hành Kế hoạch phát triển ngành muối giai đoạn 2026 - 2030 nhằm cụ thể hóa Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành muối giai đoạn 2021 - 2030, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong tổ chức triển khai thực hiện từ Trung ương đến địa phương; đồng thời xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của thành phố.

- Trên địa bàn thành phố hiện có khoảng 297 ha đất có điều kiện sản xuất muối kết hợp nuôi Artemia và thủy sản (cua, cá kèo...), tập trung tại phường Vĩnh Phước và xã Lai Hòa. Giai đoạn 2021 - 2025, diện tích sản xuất muối hằng năm dao động từ 59 ha đến 107 ha; tổng sản lượng giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 20.284 tấn, bình quân khoảng 4.000 tấn/năm. Tuy nhiên, diện tích chuyên làm muối có xu hướng giảm trong những năm gần đây, ảnh hưởng đến tính ổn định của ngành và thu nhập của diêm dân. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu cần có định hướng phát triển riêng, đồng bộ và dài hạn nhằm ổn định sản xuất và khai thác hiệu quả tiềm năng hiện có.

- Kế hoạch nhằm định hướng phát triển ngành muối theo hướng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm muối; gắn sản xuất với chế biến, bảo quản và tiêu thụ, từng bước hình thành vùng sản xuất muối sạch, chất lượng cao. Đồng thời phát huy hiệu quả mô hình sản xuất muối kết hợp nuôi Artemia và thủy sản - mô hình đang mang lại giá trị kinh tế cao tại địa phương - qua đó góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

- Thông qua việc cơ cấu lại ngành muối, kế hoạch hướng đến mục tiêu cải thiện thu nhập, ổn định sinh kế, từng bước nâng cao đời sống diêm dân; đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, phục vụ sản xuất thủy sản, góp phần bảo đảm an ninh lương thực - thực phẩm và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn của thành phố trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch phải bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của thành phố; bám sát định hướng phát triển ngành muối theo hướng hiện đại, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra phải cụ thể, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm; gắn với điều kiện thực tế về quy mô sản xuất, hiệu quả kinh tế và xu hướng chuyển dịch sản xuất trên địa bàn. Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành và địa phương; lồng ghép hiệu quả với các chương trình, đề án liên quan nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

- Quá trình triển khai phải gắn với đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển muối chế biến, muối sạch đạt tiêu chuẩn; góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh, ổn định sản xuất và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn của thành phố giai đoạn 2026 - 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành muối theo hướng hiệu quả, bền vững trên cơ sở tận dụng tối đa lợi thế của địa phương có truyền thống sản xuất muối để nâng cao năng xuất, chất lượng và đa dạng hóa các loại sản phẩm về muối, qua đó đáp ứng nhu cầu muối trong nước, hướng đến xuất khẩu muối và tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho diêm dân, đảm bảo thu nhập từ nghề muối để người dân yên tâm gắn bó với nghề.

2. Mục tiêu cụ thể

- Duy trì và ổn định diện tích sản xuất muối bình quân 60 ha/năm, sản lượng bình quân 3.100 tấn/năm, tập trung tại các khu vực trọng điểm như phường Vĩnh Phước và xã Lai Hòa; bảo đảm sản lượng muối hàng năm đáp ứng nhu cầu sử dụng chế biến trên địa bàn xã, phường và các vùng lân cận. Việc duy trì diện tích phải gắn với nâng cao hiệu quả sử dụng đất và cải thiện năng suất bình quân trên mỗi đơn vị diện tích.

- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối, nhất là hệ thống thủy lợi đồng muối; ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến muối, tăng năng suất tối thiểu 20%, nâng cao giá trị các sản phẩm muối ít nhất là 30% so với hiện nay.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất muối; máy móc, thiết bị sản xuất, chế biến muối gắn với thị trường.

- Hỗ trợ sản xuất muối trải bạt 10 ha trên địa bàn 2 xã phường Lai Hòa, Vĩnh Phước thành phố Cần Thơ.

III. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, đào tạo nguồn nhân lực và tổ chức quản lý

- Tổ chức tập huấn bồi dưỡng kỹ thuật sản xuất muối tiên tiến cho các hộ dân trong vùng sản xuất muối; lồng ghép tập huấn, bồi dưỡng kỹ thuật sản xuất, chế biến muối theo chương trình khuyến nông, khuyến công, phát triển ngành nghề nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Lồng ghép các chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho ngành muối; hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng về kỹ thuật sản xuất muối cho người lao động trong độ tuổi; khuyến khích các cơ sở đào tạo mở lớp về kỹ thuật và quản lý ngành muối.

- Thực hiện các phóng sự chuyên sâu nhằm quảng bá và tôn vinh nghề làm muối truyền thống tại Cần Thơ, giàu giá trị văn hóa gắn liền với phát triển của thủy sản địa phương.

- củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về nghề muối; nâng cao năng lực quản lý và tổ chức sản xuất; hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực muối.

2. Phát triển sản xuất muối gắn với chế biến và thị trường

- Lồng ghép các chương trình, dự án để đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng sản xuất muối (thủy lợi, đê bao, giao thông nội đồng, kho bãi), từng bước xây dựng đồng muối theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, áp dụng cơ giới hóa và tiên bộ kỹ thuật.

- Hỗ trợ đầu tư máy móc, thiết bị chế biến, hệ thống phân tích chất lượng, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm cho các cơ sở sản xuất, chế biến muối; đầu tư 1 - 2 mô hình công nghệ chế biến hiện đại, đồng bộ nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

- Sắp xếp, củng cố hoạt động các hợp tác xã nghề muối; quy hoạch vùng chuyên canh muối chất lượng cao, phân khu sản xuất muối kết hợp nuôi Artemia.

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ; mô hình muối sạch, mô hình ứng dụng công nghệ mới, mô hình sản xuất muối kết hợp du lịch nông thôn (Nếu có).

- Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp hệ thống kho bảo quản; đầu tư điếm giao dịch, mua bán, tạm trữ muối; khuyến khích phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất, kinh doanh muối.

3. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi sản xuất

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm muối.

- Hoàn thiện quy trình sản xuất muối theo hướng cơ giới hóa, hiện đại hóa, đồng bộ từ cung cấp nước biển đến thu hoạch, vận chuyển, làm sạch và bảo quản.

- Ứng dụng công nghệ mới, công nghệ thông tin trong theo dõi, đo lường và xử lý dữ liệu về nồng độ nước biển, bức xạ nhiệt, gió; nghiên cứu giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu, chuyên gia công nghệ sản xuất muối trực tiếp từ nước biển; công nghệ kết tinh muối trên nền vật liệu mới; ứng dụng hiệu ứng nhà kính trong sản xuất, chế biến muối.

- Thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa ngành muối (tự động hóa, năng lượng tái tạo trong cấp nước biển, công nghệ chế biến tiên tiến, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý...).

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu, dự án sản xuất thử nghiệm; hỗ trợ chi phí mua sắm thiết bị, vật tư thiết yếu; hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn, đào tạo theo mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật.

4. Phát triển sản phẩm, bảo tồn làng nghề và xúc tiến thương mại

- Khuyến khích khôi phục, bảo tồn và phát triển làng nghề muối truyền thống; đa dạng hóa sản phẩm muối gắn với du lịch nông thôn và dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Phát triển các sản phẩm muối đặc trưng của địa phương; xây dựng, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn nguồn gốc; đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu; quảng bá, giới thiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ; hỗ trợ thiết kế, cải tiến mẫu mã, bao bì.

5. Chính sách tín dụng, đầu tư và tài chính

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương nhằm hỗ trợ phát triển ngành muối theo Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển ngành muối giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 766/QĐ-BNN-KTHT ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển ngành muối giai đoạn 2021 - 2030.

- Bố trí nguồn vốn ngân sách và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư cơ sở hạ tầng đồng muối (thủy lợi, đê bao, giao thông nội đồng), kho bãi, trang thiết bị bốc dỡ, bảo quản và tồn trữ muối; hỗ trợ lãi suất vay cho tổ chức, cá nhân thực hiện cơ giới hóa, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất và chế biến muối.

- Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến muối tiếp cận nguồn vốn tín dụng theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn, Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về

chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn; đồng thời, lồng ghép thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và văn bản hướng dẫn thi hành là Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Các dự án đầu tư phát triển sản xuất muối và các dự án đầu tư chế biến muối đủ điều kiện vay vốn theo quy định được xem xét tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước theo quy định hiện hành.

- Tham mưu ban hành và triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư cải tạo, nâng cấp công trình nội đồng, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, khai thác, quản lý công trình đồng muối theo định hướng tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về phát triển ngành nghề nông thôn.

- Tiếp tục áp dụng hiệu quả các chính sách ưu đãi về tài chính, thuế, đất đai và các hỗ trợ khác theo quy định hiện hành của Nhà nước nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến và cung ứng muối thực phẩm phục vụ tiêu dùng.

6. Chính sách đất đai và quản lý quy hoạch

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất làm muối phù hợp với quy hoạch phát triển ngành muối theo Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý sản xuất kinh doanh muối và Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành muối giai đoạn 2021 - 2030; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi đất muối sang mục đích sử dụng khác, bảo đảm ổn định quy mô và vùng sản xuất muối tập trung theo quy hoạch được phê duyệt.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hợp tác xã và cá nhân thuê đất để đầu tư cơ sở chế biến muối. Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét bố trí hợp lý vị trí, diện tích sử dụng cho các dự án được phê duyệt, bảo đảm phù hợp quy hoạch và không ảnh hưởng đến quy mô đồng muối.

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, kinh doanh muối theo quy định tại Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý sản xuất kinh doanh muối; thực hiện kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm đối với muối sản xuất trong nước và muối nhập khẩu theo Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hướng dẫn kiểm tra chất

lượng an toàn thực phẩm muối nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đồng thời, tăng cường phối hợp giữa các Sở, ngành và địa phương trong công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm và thực hiện đúng quy hoạch phát triển ngành muối trên địa bàn.

IV. VỐN ĐẦU TƯ

1. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Nhà nước: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, lồng ghép vào các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án, kế hoạch khác có liên quan.

- Nguồn tín dụng.

- Nguồn xã hội hóa.

- Các nguồn hợp pháp khác.

2. Nhu cầu vốn thực hiện kế hoạch đến năm 2030, tập trung vào các nội dung chính gồm:

- Trả bạt đồng muối.

- Đầu tư mới, nâng cấp thiết bị công nghệ chế biến, cơ giới hóa đồng muối, hỗ trợ phát triển sản phẩm, phát triển các dịch vụ liên kết.

- Công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ Phát triển ngành muối.

- Công tác quản lý, tổ chức các lớp tập huấn phổ biến các tiến bộ khoa học, công nghệ, kỹ thuật sản xuất muối; Tổ chức học tập kinh nghiệm mô hình sản xuất muối sạch, muối thực phẩm ở các tỉnh thành có sản xuất muối.

3. Cơ chế tài chính: Sau khi Kế hoạch được ban hành, các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao và tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành để lập dự toán chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Công bố triển khai Kế hoạch phát triển ngành muối trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030, theo đúng quy định của pháp luật, xây dựng kế hoạch triển khai hàng năm, theo dõi, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ điều chỉnh, bổ sung kịp thời các vấn đề có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất và chế biến muối.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Phước và Ủy ban nhân dân xã Lai Hòa tổ chức chỉ đạo thực hiện, quản lý sản xuất, chế biến và kinh doanh muối theo Kế hoạch, thanh tra kiểm tra các cơ sở sản xuất muối trong việc chấp hành quy hoạch sản xuất muối; phối hợp Sở Y tế, Sở Công Thương và các cơ quan chức năng khác có liên quan thanh tra, kiểm tra về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và xử lý các vi phạm khác trong sản xuất chế biến, kinh doanh muối.

- Hàng năm phối hợp Sở Tài chính đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét bố trí ngân sách đầu tư hạ tầng đồng muối cho diêm dân và bố trí ngân sách để hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn trong sản xuất, chế biến, bảo quản muối.

- Lồng ghép các Chương trình, dự án triển khai, xây dựng các dự án đầu tư phát triển hạ tầng sản xuất theo quy hoạch thuộc nguồn vốn ngân sách, hướng dẫn triển khai các mô hình nghiên cứu, sản xuất, thử nghiệm và ứng dụng công nghệ trong chế biến và bảo quản muối.

- Hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm muối theo quy định hiện hành; phối hợp Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức lớp tập huấn triển khai các văn bản vi phạm pháp luật về môi trường đối với các cá nhân, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, sản xuất muối nhằm tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải trong quá trình sản xuất kinh doanh chế biến muối nhằm tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

- Chịu trách nhiệm tổ chức, xây dựng hệ thống quan trắc, đánh giá tình hình nhiễm mặn, mức độ ô nhiễm môi trường do sản xuất, chế biến gây ra hàng năm để đề xuất, yêu cầu các biện pháp phòng, chống, khắc phục dự báo kịp thời.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố giao đất hoặc cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình để sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất muối theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ khả năng ngân sách tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện các hoạt động đã đề xuất trong Kế hoạch khi được phê duyệt, phân bổ vốn sự nghiệp Trung ương bổ sung có mục tiêu, phối hợp phân bổ nguồn tài trợ cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ có liên quan; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách và các quy định hiện hành.

3. Sở Công Thương

- Chịu trách nhiệm theo dõi, kiến nghị điều tiết lưu thông muối đảm bảo tiêu thụ một cách ổn định, đáp ứng nhu cầu về muối cho tiêu dùng của nhân dân, cho công nghiệp và các mục đích khác; khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở chế biến muối đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ nhằm đa dạng hóa sản phẩm chế biến, nâng cao chất lượng và giá trị của sản phẩm lưu thông trên thị trường.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện công tác xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, quảng bá sản phẩm muối.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, tổ chức triển khai các đề tài, các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến và bảo quản muối để nâng cao năng suất, chất lượng muối và sản phẩm sau muối.

5. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 14

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ và các văn bản có liên quan.

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn chủ động cân đối nguồn vốn hỗ trợ các hộ dân, các tổ chức (Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở) có hoạt động sản xuất và chế biến muối thuận lợi tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất và thời gian vay hợp lý.

6. Hội Nông dân thành phố

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo, vận động, tuyên truyền hội viên tích cực liên kết, tham gia xây dựng mô hình sản xuất muối gắn với ứng dụng khoa học công nghệ: mô hình muối sạch, mô hình ứng dụng công nghệ mới, mô hình sản xuất muối kết hợp du lịch nông thôn (Nếu có).

- Phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức các hoạt động tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, bồi dưỡng kiến thức và nâng cao năng lực sản xuất cho diêm dân, hội viên nông dân làm nghề muối trên địa bàn.

7. UBND: phường Vĩnh Phước, xã Lai Hòa

- Chủ trì công bố, phổ biến Kế hoạch sử dụng đất sản xuất muối trên địa bàn xã, phường cho nhân dân ở địa phương biết; chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện theo Quy hoạch được duyệt; Kiểm tra, giám sát việc bảo vệ môi trường vùng sản xuất muối, nghiên cứu, đề xuất các vấn đề phát sinh. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, cập nhật diện tích sử dụng đất sản xuất và chế biến muối trên địa bàn vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

- Căn cứ vào quy hoạch, chủ động hướng dẫn và tạo điều kiện cho tổ chức kinh tế và nhân dân địa phương đầu tư sản xuất và chế biến muối; không khuyến khích việc sản xuất muối nằm ngoài quy hoạch hoặc chuyển đổi đối tượng sản xuất.

- Chủ động Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét đề xuất kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng đồng muối tại khu vực quy hoạch, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất muối, thuận lợi trong bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ muối.

- Phối hợp với các sở ngành có liên quan hỗ trợ hướng dẫn các hợp tác xã sản xuất muối hoạt động có hiệu quả, tạo điều kiện để các hợp tác xã tiếp cận nguồn tín dụng trong sản xuất, chế biến, kinh doanh sản xuất chế biến và tiêu thụ muối của Hợp tác xã.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chế biến tiêu thụ muối trên địa bàn xã, phường hoạt động nhằm thúc đẩy phát triển ngành muối và đa dạng hóa sản phẩm nghề muối tăng thu nhập cho người dân.

8. Trách nhiệm của các doanh nghiệp, các cơ sở, tổ chức kinh tế sản xuất và chế biến muối:

- Các Hợp tác xã, hộ dân đang quản lý, sản xuất muối tại 02 xã, phường, căn cứ kế hoạch này yêu cầu phải tiến hành rà soát, đánh giá lại cơ sở hạ tầng, đặc biệt là đánh giá tác động môi trường cả trước mắt và lâu dài đối với các khu vực lân cận; từ đó từng chủ đầu tư phải lập dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo đồng muối từ khâu cấp nước, xử lý nền ô, sử dụng vật liệu chống thấm đạt tiêu chuẩn môi trường theo mục tiêu, tiến độ, giải pháp đã phê duyệt tại Kế hoạch này.

- Trong kế hoạch và phương án sản xuất hàng năm, các doanh nghiệp phải gắn việc sản xuất với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững. Chủ động ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, khắc phục tình trạng suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường.

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất và chế biến muối, đẩy mạnh tiêu thụ. Nghiên cứu chế biến đa dạng hóa sản phẩm sau muối, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng và nâng cao giá trị sử dụng đất, giá trị gia tăng và thu nhập trên đơn vị diện tích.

Trên đây là Kế hoạch phát triển ngành muối trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT;
- TT. UBND thành phố;
- Cục Kinh tế hợp tác và PTNT;
- Sở: NN&MT, TC, CT, KH&CN;
- VP. UBND thành phố (2I, 3B);
- Hội Nông dân thành phố;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 14;
- UBND: phường Vĩnh Phước, xã Lai Hòa.
- Lưu: VT, CT.

14 KH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Chí Hùng

